KẾT QUẢ KỲ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC TỪ NGẠCH CHUYÊN VIÊN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG LÊN NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH TỈNH HƯNG YÊN NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số 35/TB-HĐTNN ngày 09/01/2025 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Mức lương hiện hưởng				Được miễn thi môn Ngoại ngữ (lý do)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Kết quả môn Kiến thức chung		Kết quả môn Ngoại ngữ		Điểm môn thi viết	Trúng tuyển/không trúng tuyển
						Mã số ngạch hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Mốc tính nâng bậc lương lần sau			Điểm	Kết quả	Điểm	Kết quả		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
1	HC001	Trần Thị Hoài An	24/9/1978	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Sở Y tế tỉnh Hưng Yên	01.003	7	4,32	01/01/2023	ĐH		35	Đạt	Miễn thi		*50*	Trúng tuyển
2	HC002	Nguyễn Thị Anh	29/3/1987	Chuyên viên Phòng Tổ chức, biên chế	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	5	3,66	16/11/2022		Tiếng Anh	39	Đạt	25	Đạt	56	Trúng tuyển
3	HC003	Trần Thị Hồng Anh	22/3/1988	Chuyên viên Phòng Cải cách hành chính - Văn thư lưu trữ	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/11/2022		Tiếng Anh	38	Đạt	17	Đạt	59,5	Trúng tuyển
4	HC004	Nguyễn Tiến Anh	27/10/1975	Trưởng phòng Người có công	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hưng Yên	01.003	8	4,65	01/01/2023		Tiếng Anh	41	Đạt	18	Đạt	50,5	Trúng tuyển
5	HC005	Chu Đức Anh	18/10/1979	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/11/2023		Tiếng Anh	40	Đạt	23	Đạt	51,5	Trúng tuyển
6	HC006	Nguyễn Thị Vân Anh	18/8/1988	Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	01.003	5	3,66	01/5/2024		Tiếng Anh	48	Đạt	27	Đạt	65,5	Trúng tuyển
7	HC007	Phạm Thị Vân Anh	23/11/1978	Trưởng phòng Nội vụ	UBND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	01.003	8	4,65	01/02/2023		Tiếng Anh	42	Đạt	22	Đạt	64,5	Trúng tuyển
8	HC008	Cao Thế Anh	01/11/1981	Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/11/2021		Tiếng Anh	45	Đạt	23	Đạt	58,5	Trúng tuyển
9	HC009	Nguyễn Văn Bính	23/7/1976	Phó Chánh Văn phòng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên	01.003	7	4,32	01/6/2022		Tiếng Anh	27	Không đạt	Bỏ thi			Không trúng tuyển
10	HC010	Đào Thị Chúc	01/6/1982	Trưởng phòng Kinh tế hợp tác - Trang trại, Chi cục Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên	01.003	8	4,65	01/12/2023		Tiếng Anh	34	Đạt	20	Đạt	50,5	Trúng tuyển
11	HC011	Lê Thị Kim Chung	19/9/1978	Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Chi cục Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên	01.003	8	4,65	01/6/2024		Tiếng Anh	32	Đạt	27	Đạt	59	Trúng tuyển
12	HC012	Đỗ Cao Công	01/8/1989	Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ Hành chính công và Kiểm soát thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/3/2023		Tiếng Anh	39	Đạt	29	Đạt	60,5	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Mức lương hiện hưởng				Được miễn thi môn Ngoại ngữ (lý do)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Kết quả môn Kiến thức chung		Kết quả môn Ngoại ngữ		Điểm môn thi viết	Trúng tuyển/không trúng tuyển
						Mã số ngạch hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Mốc tính nâng bậc lương lần sau			Điểm	Kết quả	Điểm	Kết quả		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
13	HC013	Trần Thị Tất Dung	02/10/1978	Phó Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Chi cục Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên	01.003	7	4,32	01/7/2021		Tiếng Anh	30	Đạt	16	Đạt	50,5	Trúng tuyển
14	HC014	Nguyễn Thị Quỳnh Dung	05/3/1984	Chuyên viên Phòng Chính trị tư tưởng - Giáo dục thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/01/2024	ĐH		40	Đạt	Miễn thi		68	Trúng tuyển
15	HC015	Đỗ Thị Dung	25/6/1980	Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/5/2023		Tiếng Anh	40	Đạt	28	Đạt	58,5	Trúng tuyển
16	HC016	Lê Tiến Dũng	04/9/1987	Chuyên viên Phòng Ngoại vụ	Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/4/2022		Tiếng Anh	47	Đạt	26	Đạt	62	Trúng tuyển
17	HC017	Trần Anh Dũng	14/11/1979	Phó Trưởng phòng Cải cách hành chính - Văn thư lưu trữ	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/11/2023		Tiếng Anh	38	Đạt	26	Đạt	50,5	Trúng tuyển
18	HC018	Nguyễn Văn Dũng	25/9/1976	Trưởng phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hưng Yên	01.003	7	4,32	01/02/2022		Tiếng Anh	42	Đạt	19	Đạt	51,5	Trúng tuyển
19	HC019	Phạm Quốc Dũng	02/9/1979	Chánh Văn phòng HĐND - UBND	UBND thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	01.003	5	3,66	01/7/2022		Tiếng Anh	39	Đạt	19	Đạt	58	Trúng tuyển
20	HC020	Nguyễn Tuấn Dũng	06/11/1981	Phó Trưởng phòng Nội vụ	UBND huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/5/2024		Tiếng Anh	41	Đạt	19	Đạt	56	Trúng tuyển
21	HC021	Trần Văn Dũng	30/8/1982	Chuyên viên Văn phòng Sở	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/01/2022		Tiếng Anh	38	Đạt	26	Đạt	50,5	Trúng tuyển
22	HC022	Phạm Quang Duy	30/5/1985	Trưởng phòng Quản lý xây dựng, Vật liệu xây dựng	Sở Xây dựng tỉnh Hà Nam	01.003		3,66			Tiếng Anh	39	Đạt	18	Đạt	51,5	Đạt
23	HC023	Trần Thị Duyên	21/12/1984	Phó Chánh Văn phòng HĐND - UBND	UBND huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/5/2024		Tiếng Anh	37	Đạt	22	Đạt	65,5	Trúng tuyển
24	HC024	Nguyễn Thị Dương	05/02/1991	Chuyên viên Phòng Công chức, Viên chức	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/02/2023	ĐH		43	Đạt	Miễn thi		60	Trúng tuyển
25	HC025	Phan Thị Diễm	13/5/1991	Chuyên viên Phòng Xây dựng chính quyền	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/3/2024		Tiếng Anh	35	Đạt	23	Đạt	50,5	Trúng tuyển
26	HC026	Nguyễn Gia Đại	21/02/1982	Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Chi cục Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/5/2022		Tiếng Anh	40	Đạt	21	Đạt	51,5	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Mức lương hiện hưởng				Được miễn thi môn Ngoại ngữ (lý do)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Kết quả môn Kiến thức chung		Kết quả môn Ngoại ngữ		Điểm môn thi viết	Trúng tuyển/không trúng tuyển
							Mã số ngạch hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Mốc tính nâng bậc lương lần sau			Điểm	Kết quả	Điểm	Kết quả		
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
27	HC027	Nguyễn Hải	Điềm	16/5/1984	Phó Trưởng phòng Nội vụ	UBND huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	01.003	5	3,66	01/02/2024	ĐH		43	Đạt	Miễn thi		50,5	Trúng tuyển
28	HC028	Ngô Như	Điện	02/01/1976	Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, Chi cục Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên	01.003	7	4,32	01/02/2022		Tiếng Anh	39	Đạt	17	Đạt	54,5	Trúng tuyển
29	HC029	Bùi Trường	Giang	16/9/1987	Trưởng phòng Quản lý chất lượng xây dựng công trình	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/11/2022		Tiếng Anh	44	Đạt	20	Đạt	53	Trúng tuyển
30	HC030	Đỗ Thị Thu	Hà	17/01/1983	Phó Trưởng ban Kinh tế - Xã hội	HĐND huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/3/2022		Tiếng Anh	46	Đạt	26	Đạt	58,5	Trúng tuyển
31	HC031	Nguyễn Thu	Hà	29/11/1975	Trưởng phòng Tư pháp	UBND huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	01.003	9	4,98	01/7/2023		Tiếng Anh	41	Đạt	17	Đạt	53,5	Trúng tuyển
32	HC032	Trương Văn	Hà	20/11/1976	Trưởng phòng Khoáng sản nước và Biến đổi khí hậu	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam	01.003		4,65			Tiếng Anh	45	Đạt	19	Đạt	64,5	Đạt
33	HC033	Cao Thế	Hanh	10/6/1982	Trưởng phòng Kinh tế 1	Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/11/2023		Tiếng Anh	37	Đạt	25	Đạt	59,5	Trúng tuyển
34	HC034	Nguyễn Văn	Hanh	28/8/1983	Phó Trưởng phòng Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên	01.003	5	3,66	01/5/2024		Tiếng Anh	33	Đạt	24	Đạt	52,5	Trúng tuyển
35	HC035	Bùi Thị	Hạnh	28/01/1976	Trưởng phòng Lao động - Việc làm	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hưng Yên	01.003	8	4,65	01/01/2023		Tiếng Anh	36	Đạt	18	Đạt	56	Trúng tuyển
36	HC036	Trần Minh	Hải	18/02/1980	Trưởng phòng Nội vụ	UBND huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	01.003		4,32			Tiếng Anh	47	Đạt	17	Đạt	60	Đạt
37	HC037	Nguyễn Duy	Hải	01/12/1979	Phó Chánh Thanh tra	Sở Xây dựng tỉnh Hà Nam	01.003		3,99			Tiếng Anh	36	Đạt	23	Đạt	51	Đạt
38	HC038	Vũ Thị Thu	Hằng	01/11/1978	Phó Trưởng phòng Lao động - Việc làm	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hưng Yên	01.003	8	4,65	01/01/2023		Tiếng Anh	36	Đạt	18	Đạt	50	Trúng tuyển
39	HC039	Hoàng Xuân	Hiến	16/4/1977	Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	01.003	9	4,98	01/12/2022		Tiếng Anh	39	Đạt	17	Đạt	60	Trúng tuyển
40	HC040	Nguyễn Thị Thu	Hiền	03/5/1983	Phó Chánh Văn phòng HĐND - UBND	UBND thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	01.003	5	3,66	01/11/2021		Tiếng Anh	36	Đạt	20	Đạt	50	Trúng tuyển
41	HC041	Lê Thị	Hoa	27/4/1979	Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	01.003	5	3,66	01/6/2023		Tiếng Anh	38	Đạt	24	Đạt	51	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Mức lương hiện hưởng				Được miễn thi môn Ngoại ngữ (lý do)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Kết quả môn Kiến thức chung		Kết quả môn Ngoại ngữ		Điểm môn thi viết	Trúng tuyển/không trúng tuyển
							Mã số ngạch hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Mốc tính nâng bậc lương lần sau			Điểm	Kết quả	Điểm	Kết quả		
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
42	HC042	Phạm Văn	Hòa	24/7/1986	Phó Chánh Văn phòng HĐND - UBND	UBND huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/11/2021		Tiếng Anh	40	Đạt	18	Đạt	53	Trúng tuyển
43	HC043	Vũ Khánh	Hoàn	03/12/1977	Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên	01.003	8	4,65	01/2/2022		Tiếng Anh	44	Đạt	16	Đạt	57	Trúng tuyển
44	HC044	Phạm Thị	Huế	07/10/1976	Trưởng phòng Việc làm - An toàn lao động	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam	01.003		4,65			Tiếng Anh	35	Đạt	18	Đạt	51	Đạt
45	HC045	Nguyễn Việt	Hùng	02/7/1981	Phó Trưởng phòng Doanh nghiệp, Kinh tế tập thể và tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên	01.003	5	3,66	01/11/2023		Tiếng Anh	Bỏ thi					Không trúng tuyển
46	HC046	Đào Mạnh	Hùng	30/5/1977	Phó Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên	01.003	7	4,32	01/3/2023		Tiếng Anh	48	Đạt	25	Đạt	59	Trúng tuyển
47	HC047	Lê Ngọc	Hưng	22/12/1973	Trưởng phòng An toàn giao thông	Sở Giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên	01.003	9	4,98	01/7/2023		Tiếng Anh	36	Đạt	17	Đạt	52	Trúng tuyển
48	HC048	Cao Văn	Hương	18/7/1976	Trưởng phòng Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên	01.003	8	4,65	01/8/2022		Tiếng Anh	44	Đạt	18	Đạt	59	Trúng tuyển
49	HC049	Bùi Ngọc	Hướng	22/7/1978	Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	01.003	9	4,98	01/8/2024		Tiếng Anh	37	Đạt	19	Đạt	54	Trúng tuyển
50	HC050	Nguyễn Thị	Hường	17/5/1981	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	01.003		4,32			Tiếng Anh	44	Đạt	22	Đạt	61	Đạt
51	HC051	Nguyễn Thị Thu	Huyền	24/7/1989	Trưởng phòng Thông tin - Dân nguyện	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/11/2022	ĐH		46	Đạt	Miễn thi		62	Trúng tuyển
52	HC052	Nguyễn Thị Thu	Huyền	07/02/1983	Phó Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Chi cục Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/4/2023		Tiếng Anh	47	Đạt	23	Đạt	52	Trúng tuyển
53	HC053	Đặng Thị	Huyền	18/5/1986	Phó Chánh Văn phòng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/11/2022		Tiếng Anh	43	Đạt	24	Đạt	55	Trúng tuyển
54	HC054	Nguyễn Thị	Huyền	24/8/1983	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/5/2022		Tiếng Anh	49	Đạt	19	Đạt	52	Trúng tuyển
55	HC055	Vũ Quốc	Khánh	02/9/1988	Chánh Văn phòng	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/11/2021		Tiếng Anh	38	Đạt	18	Đạt	54	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Mức lương hiện hưởng				Được miễn thi môn Ngoại ngữ (lý do)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Kết quả môn Kiến thức chung		Kết quả môn Ngoại ngữ		Điểm môn thi viết	Trúng tuyển/không trúng tuyển
							Mã số ngạch hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Mốc tính nâng bậc lương lần sau			Điểm	Kết quả	Điểm	Kết quả		
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
56	HC056	Đỗ Trung	Kiên	20/02/1978	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	01.003	8	4,65	01/01/2024	ĐH		47	Đạt	Miễn thi		53	Trúng tuyển
57	HC057	Đinh Thị Phương	Lê	13/12/1980	Trưởng phòng Nội vụ	UBND huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	01.003		4,32			Tiếng Anh	34	Đạt	18	Đạt	51	Đạt
58	HC058	Doãn Thị	Liên	20/3/1978	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	01.003	5	3,66	01/6/2023		Tiếng Anh	36	Đạt	22	Đạt	65	Trúng tuyển
59	HC059	Đỗ Thị Bích	Liên	17/7/1987	Phó Trưởng phòng Nội vụ	UBND huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	01.003	5	3,66	04/7/2022		Tiếng Anh	42	Đạt	18	Đạt	66	Trúng tuyển
60	HC060	Quách Văn	Liễu	24/10/1983	Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99 (HSCLBL: 0,67)	01/6/2024		Tiếng Anh	38	Đạt	18	Đạt	66	Trúng tuyển
61	HC061	Vũ Thị Diệu	Linh	16/01/1983	Phó Trưởng phòng Kinh tế ngành	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/5/2022		Tiếng Anh	39	Đạt	25	Đạt	50	Trúng tuyển
62	HC062	Cáp Sỹ	Long	23/01/1982	Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	01.003	5	3,66	01/5/2021		Tiếng Anh	37	Đạt	22	Đạt	58	Trúng tuyển
63	HC063	Nguyễn Thị	Luyến	07/3/1988	Chuyên viên Phòng Tổ chức, biên chế	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/12/2022		Tiếng Anh	35	Đạt	17	Đạt	60	Trúng tuyển
64	HC064	Nguyễn Như	Mạnh	10/11/1981	Phó Trưởng phòng Quản lý đầu tư	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/3/2023	ĐH		44	Đạt	Miễn thi		63	Trúng tuyển
65	HC065	Chu Bình	Mích	14/12/1989	Chuyên viên Văn phòng Sở	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/11/2021		Tiếng Anh	39	Đạt	21	Đạt	64	Trúng tuyển
66	HC066	Bùi Quang	Nam	03/02/1983	Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/02/2024		Tiếng Anh	41	Đạt	23	Đạt	66	Trúng tuyển
67	HC067	Nguyễn Văn	Năng	23/12/1985	Phó Trưởng phòng Tổng hợp - Quy hoạch	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/11/2021		Tiếng Anh	44	Đạt	18	Đạt	64	Trúng tuyển
68	HC068	Nguyễn Thị	Nga	10/02/1987	Chuyên viên Phòng Công chức, Viên chức	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,66	01/11/2022		Tiếng Anh	35	Đạt	25	Đạt	64	Trúng tuyển
69	HC069	Mai Quỳnh	Nga	11/8/1990	Chuyên viên Phòng Tổ chức, biên chế	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/12/2022	ĐH		37	Đạt	Miễn thi		59	Trúng tuyển
70	HC070	Nguyễn Thị	Ngà	11/11/1977	Chuyên viên Phòng Chính trị tư tưởng - Giáo dục thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên	01.003	8	4,65	01/4/2024		Tiếng Anh	35	Đạt	23	Đạt	51	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Mức lương hiện hưởng				Được miễn thi môn Ngoại ngữ (lý do)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Kết quả môn Kiến thức chung		Kết quả môn Ngoại ngữ		Điểm môn thi viết	Trúng tuyển/không trúng tuyển
							Mã số ngạch hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Mốc tính nâng bậc lương lần sau			Điểm	Kết quả	Điểm	Kết quả		
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
71	HC071	Hoàng Thị Bích	Ngọc	24/9/1991	Chuyên viên Phòng Tổ chức, biên chế	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/4/2023		Tiếng Anh	37	Đạt	19	Đạt	51	Không trúng tuyển
72	HC072	Nguyễn Văn	Nguyên	22/4/1981	Phó Trưởng phòng Tài nguyên nước, khoáng sản	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/9/2021		Tiếng Anh	35	Đạt	17	Đạt	50	Trúng tuyển
73	HC073	Trần Thị	Nhẫn	05/7/1978	Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/4/2022		Tiếng Anh	34	Đạt	22	Đạt	50	Trúng tuyển
74	HC074	Phạm Đình	Phú	10/7/1982	Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/9/2022		Tiếng Anh	42	Đạt	23	Đạt	50,5	Trúng tuyển
75	HC075	Nguyễn Hoàng	Phúc	16/3/1978	Chuyên viên Phòng Bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hưng Yên	01.003	8	4,65	01/01/2024		Tiếng Anh	39	Đạt	17	Đạt	53	Trúng tuyển
76	HC076	Tạ Thu	Phương	06/9/1990	Trưởng phòng Công tác Hội đồng nhân dân	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/11/2021		Tiếng Anh	35	Đạt	21	Đạt	50,5	Trúng tuyển
77	HC077	Quách Thị Lan	Phương	19/01/1984	Phó Trưởng ban Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	15/4/2023		Tiếng Anh	41	Đạt	19	Đạt	50,5	Trúng tuyển
78	HC078	Trần Thị Lan	Phương	26/6/1988	Chuyên viên Ban Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	5	3,66	16/6/2024		Tiếng Anh	43	Đạt	26	Đạt	53	Trúng tuyển
79	HC079	Vũ Thị	Phương	20/7/1975	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	01.003	9	4,98	01/7/2023		Tiếng Anh	36	Đạt	22	Đạt	50	Trúng tuyển
80	HC080	Hoàng Thị Thu	Phương	25/02/1972	Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	01.003	9	4,98 + VK 6%	01/8/2023		Tiếng Anh	45	Đạt	19	Đạt	51	Trúng tuyển
81	HC081	Nguyễn Hồng	Quân	02/12/1975	Chánh Văn phòng HĐND - UBND	UBND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	01.003	8	4,65	01/6/2022		Tiếng Anh	38	Đạt	19	Đạt	50	Trúng tuyển
82	HC082	Kiều Minh	Quyên	06/01/1985	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	01.003	5	3,66	01/11/2021		Tiếng Anh	37	Đạt	23	Đạt	57	Trúng tuyển
83	HC083	Nguyễn Thị	Soài	11/4/1973	Phó Trưởng phòng Kinh tế ngành	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên	01.003	9	4,98 + VK 5%	01/6/2024		Tiếng Anh	35	Đạt	17	Đạt	50	Trúng tuyển
84	HC084	Lê Quang	Sơn	06/01/1981	Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	01.003		4,32			Tiếng Anh	49	Đạt	21	Đạt	56,5	Đạt
85	HC085	Vũ Thị	Tân	05/12/1984	Chuyên viên Phòng Tín ngưỡng - Tôn giáo	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/11/2023		Tiếng Anh	35	Đạt	19	Đạt	51	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Mức lương hiện hưởng				Được miễn thi môn Ngoại ngữ (lý do)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Kết quả môn Kiến thức chung		Kết quả môn Ngoại ngữ		Điểm môn thi viết	Trúng tuyển/không trúng tuyển
							Mã số ngạch hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Mốc tính nâng bậc lương lần sau			Điểm	Kết quả	Điểm	Kết quả		
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
86	HC086	Nhữ Văn	Thản	01/8/1983	Phó Chánh Văn phòng	Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên	01.003	5	3,66	01/6/2023		Tiếng Anh	39	Đạt	20	Đạt	55	Trúng tuyển
87	HC087	Nguyễn Toàn	Thắng	16/3/1984	Chuyên viên Văn phòng Sở	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên	01.003	5	3,66	01/9/2022		Tiếng Anh	38	Đạt	21	Đạt	52	Trúng tuyển
88	HC088	Đào Duy	Thắng	02/1/1982	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/12/2023		Tiếng anh	39	Đạt	18	Đạt	50	Trúng tuyển
89	HC089	Nguyễn Thị	Thêu	13/02/1976	Phó Trưởng ban Pháp chế	HĐND thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	01.003	7	4,32	01/6/2023		Tiếng Anh	35	Đạt	24	Đạt	51,5	Trúng tuyển
90	HC090	Vũ Thanh	Thọ	08/8/1978	Phó Trưởng phòng Quản lý hạ tầng kỹ thuật và nhà ở	Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên	01.003	8	4,65	01/01/2024		Tiếng Anh	42	Đạt	20	Đạt	50	Trúng tuyển
91	HC091	Nguyễn Phúc	Thọ	03/11/1985	Trưởng phòng Nội vụ	UBND thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	01.003	5	3,66	01/5/2024		Tiếng Anh	41	Đạt	19	Đạt	60	Trúng tuyển
92	HC092	Đặng Như	Thọ	16/10/1981	Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin	UBND huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	01.003		4,32			Tiếng Anh	42	Đạt	24	Đạt	51	Đạt
93	HC093	Vũ Xuân	Thu	03/01/1987	Phó Chánh Văn phòng	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/02/2022		Tiếng Anh	38	Đạt	18	Đạt	51	Trúng tuyển
94	HC094	Nguyễn Thị Thu	Thủy	30/12/1984	Phó Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/7/2022		Tiếng Anh	45	Đạt	27	Đạt	53	Trúng tuyển
95	HC095	Đỗ Thu	Thủy	26/11/1987	Phó Trưởng phòng Nội vụ	UBND thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/4/2023		Tiếng Anh	44	Đạt	24	Đạt	55	Trúng tuyển
96	HC096	Trần Thị	Thủy	24/10/1976	Phó Trưởng phòng Nội vụ	UBND huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/5/2024		Tiếng Anh	37	Đạt	22	Đạt	51	Trúng tuyển
97	HC097	Đào Thị Thu	Trang	19/11/1982	Phó Trưởng phòng Tổ chức, biên chế	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	7	4,32	01/9/2023		Tiếng Anh	44	Đạt	18	Đạt	56	Trúng tuyển
98	HC098	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/12/1986	Chuyên viên Phòng Xây dựng chính quyền	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/8/2022		Tiếng Anh	51	Đạt	28	Đạt	58	Trúng tuyển
99	HC099	Nguyễn Cao	Trào	24/3/1968	Phó Chủ tịch HĐND huyện	HĐND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	01.003	9	4,98 + VK 17%	01/6/2024		Tiếng Anh	36	Đạt	17	Đạt	50	Trúng tuyển
100	HC100	Lê Ngọc	Trong	19/11/1983	Phó Trưởng phòng Quản lý xây dựng	Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/11/2023		Tiếng Anh	36	Đạt	23	Đạt	51	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Mức lương hiện hưởng				Được miễn thi môn Ngoại ngữ (lý do)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Kết quả môn Kiến thức chung		Kết quả môn Ngoại ngữ		Điểm môn thi viết	Trúng tuyển/không trúng tuyển
							Mã số ngạch hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Mốc tính nâng bậc lương lần sau			Điểm	Kết quả	Điểm	Kết quả		
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
101	HC101	Đỗ Thế	Trọng	14/9/1979	Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	01.003		4,32			Tiếng Anh	45	Đạt	22	Đạt	51	Đạt
102	HC102	Nguyễn Thành	Trung	29/6/1976	Trưởng phòng Quản lý văn hóa và gia đình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hưng Yên	01.003	7	4,32	01/9/2023		Tiếng Anh	35	Đạt	10	Không đạt	50	Không trúng tuyển
103	HC103	Lê Văn	Trường	06/6/1980	Trưởng phòng Kỹ thuật, Chi cục Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên	01.003	7	4,32	01/5/2023		Tiếng Anh	44	Đạt	18	Đạt	50	Trúng tuyển
104	HC104	Phạm Văn	Trường	23/02/1969	Trưởng phòng Quản lý vận tải và phương tiện	Sở Giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên	01.003	9	4,98	01/01/2023		Tiếng Anh	42	Đạt	15	Đạt	52,5	Trúng tuyển
105	HC105	Đỗ Văn	Trường	18/02/1978	Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	01.003		4,65			Tiếng Anh	37	Đạt	24	Đạt	54	Đạt
106	HC106	Nguyễn Ngọc	Tú	19/10/1977	Phó Trưởng phòng Công tác Hội đồng nhân dân	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Hưng Yên	01.003	7	4,32	01/3/2024		Tiếng Anh	34	Đạt	22	Đạt	56	Trúng tuyển
107	HC107	Trần Văn	Tự	27/3/1984	Phó Trưởng phòng Kinh tế	UBND thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/6/2022		Tiếng Anh	36	Đạt	24	Đạt	59,5	Trúng tuyển
108	HC108	Bùi Anh	Tuấn	10/6/1982	Chuyên viên Phòng Kinh tế 2	Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên	01.003	4	3,33	01/6/2022		Tiếng Anh	37	Đạt	25	Đạt	52,5	Trúng tuyển
109	HC109	Tạ Đức	Tùng	17/9/1980	Phó Trưởng phòng Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên	01.003	6	3,99	01/12/2022		Tiếng Anh	34	Đạt	25	Đạt	51,5	Trúng tuyển
110	HC110	Hoàng Thế	Vĩnh	20/12/1969	Phó Chủ tịch UBND huyện	UBND huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	01.003	9	4,98 + VK 5%	01/12/2023		Tiếng Anh	36	Đạt	19	Đạt	50	Trúng tuyển
111	HC111	Nguyễn Văn	Vượng	11/3/1980	Chánh Văn phòng HĐND - UBND	UBND thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	01.003	5	3,66	01/11/2021		Tiếng Anh	41	Đạt	18	Đạt	52	Trúng tuyển
112	HC112	Nguyễn Hữu	Vy	28/7/1973	Trưởng phòng Nội vụ	UBND huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	01.003	7	4,32	01/6/2022		Tiếng Anh	39	Đạt	22	Đạt	50,5	Trúng tuyển
113	TT001	Phạm Việt	Cường	18/7/1983	Trưởng phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra	Thanh tra tỉnh Hưng Yên	04.025	6	3,99	01/11/2023		Tiếng Anh	41	Đạt	25	Đạt	66	Trúng tuyển
114	TT002	Lê Thanh	Đức	22/9/1976	Phó Trưởng phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 3	Thanh tra tỉnh Hưng Yên	04.025	6	3,99	01/11/2023		Tiếng Anh	42	Đạt	17	Đạt	55	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Mức lương hiện hưởng				Được miễn thi môn Ngoại ngữ (lý do)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Kết quả môn Kiến thức chung		Kết quả môn Ngoại ngữ		Điểm môn thi viết	Trúng tuyển/không trúng tuyển
							Mã số ngạch hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Mốc tính nâng bậc lương lần sau			Điểm	Kết quả	Điểm	Kết quả		
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
115	TT003	Nguyễn Thị Kim	Dung	02/12/1976	Thanh tra viên Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 3	Thanh tra tỉnh Hưng Yên	04.025	6	3,99	01/12/2021		Tiếng Anh	30	Đạt	20	Đạt	64	Không trúng tuyển
116	TT004	Nguyễn Thanh	Hà	25/6/1973	Chánh Thanh tra	Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên	04.025	9	4,98	01/4/2023		Tiếng Anh	34	Đạt	15	Đạt	50	Trúng tuyển
117	TT005	Nguyễn Như	Hải	14/10/1979	Thanh tra viên Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng	Thanh tra tỉnh Hưng Yên	04.025	5	3,66	01/11/2021		Tiếng Anh	36	Đạt	18	Đạt	50	Trúng tuyển
118	TT006	Lâm	Hoàng	11/5/1981	Phó Trưởng phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 1	Thanh tra tỉnh Hưng Yên	04.025	5	3,66	01/11/2021		Tiếng Anh	38	Đạt	20	Đạt	60	Trúng tuyển
119	TT007	Nguyễn Thị Thu	Hương	28/9/1983	Phó Chánh Văn phòng	Thanh tra tỉnh Hưng Yên	04.025	6	3,99	01/9/2021		Tiếng Anh	42	Đạt	27	Đạt	50	Trúng tuyển
120	TT008	Đỗ Thế	Kiên	22/3/1980	Phó Trưởng phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng	Thanh tra tỉnh Hưng Yên	04.025	6	3,99	01/11/2023		Tiếng Anh	39	Đạt	17	Đạt	62	Trúng tuyển
121	TT009	Hoàng Văn	Mẫn	02/7/1982	Chánh Văn phòng	Thanh tra tỉnh Hưng Yên	04.025	6	3,99	01/11/2023		Tiếng Anh	40	Đạt	24	Đạt	60	Trúng tuyển
122	TT010	Phạm Đức	Minh	22/3/1981	Chánh Thanh tra	UBND thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	04.025	5	3,66	01/5/2024		Tiếng Anh	37	Đạt	17	Đạt	79	Trúng tuyển
123	TT011	Lê Thị	Nết	20/7/1987	Thanh tra viên Thanh tra Sở	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên	04.025	4	3,33	01/11/2021	ĐH		44	Đạt	Miễn thi		81	Trúng tuyển
124	TT012	Đoàn Bích	Ngọc	01/10/1978	Phó Chánh Thanh tra	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên	04.025	8	4,65	01/11/2022		Tiếng Anh	34	Đạt	27	Đạt	75	Trúng tuyển
125	TT013	Vũ Thị Thảo	Nguyên	04/7/1986	Phó Chánh Thanh tra	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên	04.025	5	3,66	01/11/2021		Tiếng Anh	46	Đạt	26	Đạt	76	Trúng tuyển
126	TT014	Hoàng Văn	Quý	15/3/1979	Chánh Thanh tra	UBND huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	04.025	7	4,32	01/4/2024		Tiếng Anh	45	Đạt	24	Đạt	74	Trúng tuyển
127	TT015	Lưu Minh	Thắng	19/4/1983	Thanh tra viên Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 2	Thanh tra tỉnh Hưng Yên	04.025	6	3,99	01/11/2023	ĐH		31	Đạt	Miễn thi		65	Trúng tuyển
128	TT016	Nguyễn Văn	Thiệp	27/05/1977	Thanh tra viên Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 3	Thanh tra tỉnh Hưng Yên	04.025	7	4,32	01/3/2023		Tiếng Anh	47	Đạt	16	Đạt	62	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Mức lương hiện hưởng				Được miễn thi môn Ngoại ngữ (lý do)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Kết quả môn Kiến thức chung		Kết quả môn Ngoại ngữ		Điểm môn thi viết	Trúng tuyển/không trúng tuyển
							Mã số ngạch hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Mốc tính nâng bậc lương lần sau			Điểm	Kết quả	Điểm	Kết quả		
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
129	TT017	Nguyễn Thị	Thịnh	15/02/1982	Chánh thanh tra	UBND huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	04.025	6	3,99	01/3/2024		Tiếng Anh	42	Đạt	20	Đạt	69	Trúng tuyển
130	TT018	Nguyễn Văn	Thông	22/11/1982	Phó Chánh Thanh tra	Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hưng Yên	04.025	7	4,32	01/4/2023		Tiếng Anh	47	Đạt	26	Đạt	66	Trúng tuyển
131	TT019	Nguyễn Bá	Tiến	16/10/1986	Thanh tra viên Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra	Thanh tra tỉnh Hưng Yên	04.025	4	3,33	01/5/2022		Tiếng Anh	45	Đạt	26	Đạt	64	Không trúng tuyển
132	TT020	Nguyễn Quang	Vinh	08/7/1981	Phó Trưởng phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra	Thanh tra tỉnh Hưng Yên	04.025	6	3,99	01/11/2023		Tiếng Anh	42	Đạt	25	Đạt	62	Trúng tuyển
133	TT021	Đỗ Chí	Yên	23/01/1982	Thanh tra viên Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 2	Thanh tra tỉnh Hưng Yên	04.025	6	3,99	01/11/2023		Tiếng Anh	48	Đạt	27	Đạt	59	Không trúng tuyển
134	NN001	Vũ Thu	Trang	07/3/1986	Trưởng phòng Quản lý dịch bệnh - Kiểm dịch động vật, Chi cục Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên	09.316	5	3,66	01/6/2023		Tiếng Anh	39	Đạt	19	Đạt	69	Trúng tuyển